

## BÀN VỀ NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG NHẬP CÔNG NGHỆ VÀO VIỆT NAM

**Hoàng Lan Chi<sup>1</sup>**

Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ

### **Tóm tắt:**

*Nghiên cứu định hướng nhập công nghệ vào Việt Nam nhấn mạnh tới việc chủ động lựa chọn liên quan tới các đặc điểm cơ bản của nhập công nghệ là có thể phục vụ cho các mục tiêu khác nhau, có các trình độ cao thấp, nhiều kênh chuyển giao công nghệ, có cả bề rộng và chiều sâu, có những bước đi trước và sau. Chúng ta đã quan tâm đến nhập công nghệ và ban hành nhiều chính sách nhằm thúc đẩy nhập công nghệ. Tuy nhiên, những gì diễn ra trên thực tế còn xa với mong đợi. Các định hướng được phân tích và đề xuất như nhập công nghệ hướng vào phục vụ một số nhiệm vụ quan trọng, lựa chọn công nghệ phù hợp với giai đoạn phát triển trước mắt, đa dạng hóa các kênh và các đối tác trong nhập công nghệ, đồng thời, chú ý kênh quan trọng và đối tác chiến lược, chủ trọng cả chiều rộng và chiều sâu của chuyển giao công nghệ, các ngành công nghiệp mũi nhọn đi tiên phong trong thúc đẩy chuyển giao công nghệ... sẽ có tác dụng nâng cao hiệu quả nhập công nghệ vào nước ta trong thời gian tới.*

**Từ khóa:** Năng lực công nghệ; Nhập công nghệ

**Mã số:** 16122301

Nhập công nghệ có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển đất nước. Kinh nghiệm thế giới đã chỉ ra, nhập công từ bên ngoài là con đường tất yếu để các nước đang phát triển có được công nghệ tiên tiến, hiện đại, nâng cao sức cạnh tranh và phát triển những ngành công nghiệp mới. Đồng thời, thực tiễn trên thế giới và tại Việt Nam thời gian qua cũng cho thấy, nhập công nghệ là vấn đề phức tạp, cần phải nhận biết rõ những định hướng cơ bản để làm cơ sở xác định các giải pháp cụ thể. Dưới đây xin bàn về một số định hướng nhập khẩu công nghệ phù hợp với nước ta trong thời gian tới.

### **1. Nhập công nghệ hướng vào phục vụ một số nhiệm vụ quan trọng**

Nhập công nghệ đóng vai trò quyết định trong nâng cao trình độ năng lực công nghệ của quốc gia và sức cạnh tranh với bên ngoài, góp phần xây dựng một cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, là đầu vào quan trọng cho quá trình học hỏi công nghệ.

<sup>1</sup> Liên hệ tác giả: hoangxuan\_long@yahoo.com

Định hướng này có các nội dung cơ bản sau:

*Một là*, ở nước ta, trong thời gian trước mắt, nhập công nghệ mang lại các ý nghĩa:

- Nâng cao trình độ năng lực công nghệ của quốc gia và sức cạnh tranh với bên ngoài. Bằng những công nghệ nhập có thể sản xuất ra các sản phẩm có chất lượng tốt đáp ứng các tiêu chuẩn của quốc gia, cũng như đạt các tiêu chuẩn xuất khẩu, có giá cả hợp lý, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm và của doanh nghiệp trên thị trường nội địa và cả thị trường nước ngoài;
- Góp phần quan trọng trong quá trình hình thành và xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý để phát triển kinh tế đất nước, trên cơ sở phát huy hết mọi lợi thế và sử dụng tối ưu các nguồn lực của quốc gia. Đối với Việt Nam, do điều kiện nền kinh tế đang ở trình độ phát triển thấp, trình độ công nghệ còn lạc hậu so với các nước trong khu vực và thế giới, muốn đưa nền kinh tế phát triển với tốc độ cao và liên tục thì một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu là phải nhập khẩu được những công nghệ mới, công nghệ cao, đáp ứng được những yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;
- Công nghệ nhập khẩu là đầu vào quan trọng cho quá trình học hỏi công nghệ. Tiếp cận với nguồn đổi mới công nghệ nước ngoài là cấp thiết cho quá trình tiếp tục học hỏi nắm bắt công nghệ;
- Nhập công nghệ cho phép khắc phục hạn chế về nguồn cung của công nghệ trong nước;
- Một khía cạnh tut hậu giữa các nước là do thất bại hay thành công trong nắm bắt được cơ hội mở ra cho học hỏi công nghệ từ bên ngoài. Việt Nam sau một thời gian dài không tranh thủ được cơ hội và đang bị tut hậu. Nếu tiếp tục để lỡ các cơ hội, chúng ta sẽ tut hậu xa hơn nữa.

*Hai là*, nhập công nghệ mang lại ý nghĩa nhưng cũng đòi hỏi những nỗ lực để vượt qua nhiều khó khăn, thách thức to lớn. Đó là những khó khăn, thách thức đã bộc lộ rõ trên thực tế về: năng lực nhập công nghệ của doanh nghiệp trong nước; trình độ công nghệ nhập phù hợp; vị thế trong nhập công nghệ; phối hợp giữa các Bộ ngành trong quản lý nhập công nghệ;...

*Ba là*, nhấn mạnh ý nghĩa của nhập công nghệ và thái độ tương ứng là phù hợp kinh nghiệm thế giới và thực tế ở Việt Nam vừa qua. Kinh nghiệm thế giới cho thấy, những nước thành công trong phát triển kinh tế đã chú trọng đề cao vai trò của nhập công nghệ. Ở nước ta, thành công và hạn chế của nhập công nghệ đã ảnh hưởng tới các mặt của nền kinh tế. Nguyên nhân của hạn chế trong nhập công nghệ ở nước ta thời gian vừa qua có phần là

thiếu quan điểm rõ ràng về vai trò của nhập công nghệ đối với phát triển đất nước trong giai đoạn tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; thiếu quyết tâm cao của các ngành, các cấp và các thành phần có liên quan trong vượt qua khó khăn, thách thức cản trở nhập công nghệ vào nước ta.

## **2. Lựa chọn công nghệ phù hợp với giai đoạn phát triển trước mắt**

Lựa chọn công nghệ nhập thích hợp với điều kiện cụ thể trong từng giai đoạn phát triển của Việt Nam. Tích cực, chủ động nâng cấp nhập công nghệ trên cơ sở cải thiện năng lực nhập công nghệ trong nước và nâng cao vị thế của phía Việt Nam trong chuyển giao công nghệ.

Định hướng này có các nội dung cơ bản sau:

*Một là*, công nghệ nhập có các trình độ khác nhau. Các trình độ này đòi hỏi những điều kiện tương ứng ở các giai đoạn phát triển khác nhau. Kinh nghiệm thế giới cho thấy, các nước đều nỗ lực hướng vào phát triển công nghệ cao, tuy nhiên, vẫn có sự phân hóa mạnh, mỗi nước phải tìm ra được lĩnh vực và mức độ phù hợp với từng giai đoạn.

*Hai là*, ở nước ta, trình độ phù hợp của công nghệ nhập thường được đề cập trên hai khía cạnh: hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường; mong muốn phát triển trình độ công nghệ của đất nước. Công nghệ nhập phải bảo đảm nâng cao hiệu quả kinh tế, trình độ kỹ thuật và công nghệ của đất nước, rút ngắn khoảng cách với thế giới. Bất kỳ một công nghệ nào được chuyển giao vào nước ta đều phải bảo đảm những yêu cầu về mặt kinh tế (thu hồi vốn, tăng lợi nhuận, tăng sức cạnh tranh, mở rộng thị trường cho sản phẩm...), đồng thời, phải đảm bảo cả hiệu quả xã hội (thu nhập cho xã hội), khai thác và tận dụng tài nguyên đất nước, bảo vệ môi trường. Mặt khác, chúng cũng phải đạt trình độ tiên tiến, hiện đại, đủ để nâng dần trình độ công nghệ của ta lên mức bình quân của thế giới, chuẩn bị cho những bước phát triển cao hơn.

Cần nhấn mạnh nhu cầu nhập công nghệ và năng lực nhập công nghệ phụ thuộc vào trình độ phát triển. Trong giai đoạn từ nay tới năm 2020, năng lực nhập công nghệ và nhu cầu nhập công nghệ của nước ta có thể có một số thay đổi so với giai đoạn trước, nhưng nhìn chung vẫn chưa được cải thiện căn bản. Năng lực nhập công nghệ cũng khá đa dạng, khác nhau ở các loại hình doanh nghiệp, ngành nghề, lĩnh vực công nghiệp. Chúng ta cần chú ý nhiều đến trình độ công nghệ đa dạng trong nền kinh tế.

*Ba là*, nâng cao trình độ nhập công nghệ phụ thuộc vào quá trình thay đổi các yếu tố tiền đề. Có thể chủ động nâng cao trình độ nhập công nghệ thông qua nỗ lực phát triển năng lực nhập công nghệ của nước ta. Sự khác nhau

giữa các giai đoạn phụ thuộc rất nhiều vào nỗ lực này. Phân đoạn trong nhập công nghệ ở nước ta được xác định thông qua một số căn cứ:

- Nhu cầu nhập công nghệ và năng lực nhập công nghệ phụ thuộc vào trình độ phát triển. Tùy theo trình độ phát triển mà có nhu cầu nhập công nghệ tương thích, bao gồm: loại công nghệ nhập (cao-thấp, lixăng-thiết bị,...), tính chất sử dụng (sử dụng vào sản xuất kinh doanh, cải tiến, phục vụ cho sáng tạo công nghệ nội sinh),... Cũng có các thể loại và mức độ khác nhau của năng lực nhập công nghệ tương ứng với trình độ phát triển. Mối quan hệ giữa trình độ phát triển kinh tế, KH&CN và nhập công nghệ (thông qua nhu cầu nhập công nghệ và năng lực nhập công nghệ) là khá rõ rệt. Các giai đoạn của chính sách nhập công nghệ có liên quan tới phân đoạn trong hoạt động nhập công nghệ vốn chi phối bởi trình độ phát triển kinh tế, KH&CN;
- Nhập công nghệ vừa phải phù hợp với hiện tại, vừa hướng tới tương lai. Xét về nhu cầu công nghệ, công nghệ nhập được sử dụng vào sản xuất kinh doanh là nhằm vấn đề hiện tại; công nghệ nhập để sáng tạo ra công nghệ nội sinh một phần là hướng về tương lai. Xét về năng lực nhập công nghệ, bên cạnh những năng lực phát huy tác dụng trong hiện tại, còn có sự chuẩn bị năng lực cho tương lai;
- Tính giai đoạn của chính sách nhập công nghệ thể hiện đồng thời ở cả quan điểm, mục tiêu, giải pháp. Điều này là có thể và cần thiết bởi đặc điểm phân đoạn là khá nổi bật trong nhập công nghệ.

*Bốn là*, sự phù hợp với giai đoạn phát triển có ý nghĩa quan trọng trong xác định chính sách nhập công nghệ ở nước ta. Nếu bám sát theo những điều kiện vốn gắn với giai đoạn phát triển, chính sách sẽ rõ hơn, cụ thể hơn và phát huy tác dụng tốt hơn. Định vị theo giai đoạn cũng là cơ sở để điều chỉnh chính sách khi chuyển từ tầng nấc này (thấp) sang tầng nấc khác (cao hơn); tức là chủ động tạo các bước tiến trong chính sách nhập công nghệ.

*Năm là*, tăng cường nhập khẩu công nghệ cao, công nghệ nguồn, nhập khẩu bằng sáng chế phát minh. Ở đây cần tập trung vào một số hạng mục công nghệ trọng điểm - là các công nghệ cơ bản/quan trọng có ý nghĩa hình thành và phát triển một số sản phẩm mới, ngành công nghiệp mới. Các công nghệ cơ bản/quan trọng này chính là những điểm mốc đánh dấu từng giai đoạn phát triển (hơn là số lượng công nghệ được nhập nói chung).

Nhấn mạnh nhập công nghệ cao, công nghệ nguồn cũng là phù hợp với những định hướng phát triển đến năm 2020 đã được xác định trong một số văn bản của Nhà nước. Chẳng hạn như: “Tìm kiếm và chuyển giao công nghệ về Việt Nam cần tập trung ưu tiên công nghệ nguồn, công nghệ tiên

tiến theo định hướng chính sách và chiến lược phát triển các lĩnh vực KH&CN quốc gia”<sup>2</sup>,...

### **3. Đa dạng hóa các kênh và các đối tác, đồng thời chú ý kênh quan trọng và đối tác chiến lược**

Đa dạng hóa kênh nhập công nghệ và đối tác chuyển giao công nghệ; đồng thời, tập trung nâng cao hiệu quả của các kênh chuyển giao công nghệ chủ yếu và tích cực xây dựng, củng cố các đối tác chiến lược trong chuyển giao công nghệ.

Định hướng này có các nội dung cơ bản sau:

*Một là*, thực tế tồn tại nhiều kênh nhập công nghệ và đối tác chuyển giao công nghệ. Có thể coi đó là những cơ hội mà chúng ta cần tranh thủ học hỏi công nghệ trong quan hệ với các đối tác nước ngoài.

Đa dạng hóa kênh nhập công nghệ và đối tác chuyển giao công nghệ liên quan tới đa dạng hóa nội dung chuyển giao công nghệ và mục tiêu chuyển giao công nghệ vào nước ta. Đa dạng hóa các nội dung chuyển giao công nghệ bao gồm: chuyển giao phần cứng sản xuất gồm các vật liệu, sản phẩm hay máy móc; chuyển giao tài liệu tổ chức (đó là tài liệu dùng cho quản lý, bao gồm các điều luật để vận hành xí nghiệp, quản lý nhân sự, kiểm soát tài chính); chuyển giao các kỹ năng sản xuất. Đa dạng hóa mục tiêu, bao gồm: tiếp nhận công nghệ và máy móc mới; tiếp cận tới các nguồn tài chính nước ngoài; hy vọng tăng năng suất và hiệu suất lao động; hiện đại hóa quy trình sản xuất; tiếp nhận các kỹ năng, quản lý hiện đại; tiếp cận thị trường quốc tế; tạo công ăn việc làm.

*Hai là*, cùng với đa dạng hóa, cần tăng sự chủ động trong lựa chọn kênh nhập công nghệ và đối tác chuyển giao công nghệ phù hợp. Lựa chọn kênh nào phụ thuộc vào bản chất của công nghệ, chiến lược của bên chuyển giao, chiến lược và năng lực của bên nhận chuyển giao. Công nghệ càng mới và càng tiên tiến thì tính độc quyền cung cấp ngày càng cao và quyền sở hữu càng thêm giá trị. Việc chuyển giao công nghệ ở đây tùy thuộc vào chủ quan của bên có công nghệ, ở nhiều trường hợp, công nghệ chỉ có dưới hình thức đầu tư trực tiếp. Đa dạng hóa phải đi đôi với chọn lọc, biết lựa chọn ra những đối tác khả dĩ mang lại kết quả tối ưu. Điều này chỉ đạt được trên cơ sở hiểu rõ: mặt mạnh, yếu về công nghiệp của từng nước công nghiệp, từng tập đoàn đa quốc gia, thái độ của từng nước trong quan hệ kinh tế, chính trị đối với Việt Nam, ý đồ của các nước và các tập đoàn trong chuyển giao công nghệ cho Việt Nam.

---

<sup>2</sup> Quyết định số 1069/QĐ-TTg ngày 04/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020.

*Ba là*, tập trung nâng cao hiệu quả một số kênh chính (đặc biệt là kênh nhập công nghệ qua đầu tư nước ngoài, nhập công nghệ qua quan hệ thương mại) và xây dựng các đối tác chiến lược là đòi hỏi từ thực tiễn hiện nay ở nước ta, đồng thời cũng phù hợp với chủ trương đẩy mạnh hội nhập theo chiều sâu trong thời gian tới. Nâng cao hiệu quả của một số kênh nhập công nghệ quan trọng và tích cực xây dựng các đối tác chiến lược trong chuyên giao công nghệ chính là điểm nhân tạo nên sự phát triển mới trong nhập công nghệ vào nước ta.

*Bốn là*, nhân mạnh những điều trên cũng là sự tương thích với quan điểm nêu trong một số định hướng phát triển đã được ban hành. Chẳng hạn như “Đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu” và “Xây dựng, củng cố các đối tác hợp tác chiến lược” (quan điểm trong Quyết định số 2471/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ *Phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030*).

#### **4. Chú trọng cả chiều rộng và chiều sâu của chuyển giao công nghệ**

Đẩy mạnh mở rộng quy mô nhập công nghệ, đồng thời (từng bước) tăng cường cải tiến, đổi mới công nghệ nhập nhằm phát triển công nghệ nội sinh.

Định hướng này có các nội dung cơ bản sau:

*Một là*, tăng cường số lượng công nghệ nhập có ý nghĩa trực tiếp đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của các doanh nghiệp về sử dụng công nghệ trong sản xuất kinh doanh. Tăng khối lượng, quy mô nhập công nghệ có thể được thể hiện qua các chỉ tiêu như:

- Tốc độ tăng giá trị công nghệ nhập so với trước. Mặc dù nhập khẩu nói chung cần giảm để hướng tới cân bằng giữa xuất - nhập<sup>3</sup>, nhưng riêng về nhập công nghệ vẫn cần duy trì mức tăng trong thời gian tới;
- Tỷ trọng so với tổng giá trị nhập khẩu hàng hóa nói chung. Cần tăng tỷ trọng công nghệ trong tổng kim ngạch nhập khẩu vào nước ta. Tỷ trọng này hiện còn khá khiêm tốn (khoảng 20%). Chúng ta cũng từng đặt ra mục tiêu đạt tỉ trọng của nhóm máy móc, thiết bị, phương tiện và công nghệ là 36% trong tổng kim ngạch nhập khẩu (trong “Chiến lược phát triển xuất nhập khẩu thời kỳ 2001-2010”) nhưng thực tế thì dao động ở mức 17-18% trong giai đoạn 2007-2010.

---

<sup>3</sup> Mục tiêu nêu trong Quyết định số 2471/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ *Phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030* là “Tốc độ tăng trưởng nhập khẩu thấp hơn tăng trưởng xuất khẩu; tốc độ tăng trưởng nhập khẩu hàng hóa bình quân 10-11%/năm trong thời kỳ 2011-2020, trong đó giai đoạn 2011-2015 tăng trưởng bình quân dưới 11%/năm; giai đoạn 2016-2020 tăng trưởng bình quân dưới 10%/năm”.

Tăng quy mô nhập công nghệ ở nước ta trong thời gian tới gắn liền với tăng quy mô về nhu cầu nhập công nghệ từ nền kinh tế trong nước gắn với đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Kinh nghiệm đã cho thấy, có một tỷ lệ nhất định giữa tăng nhập công nghệ và phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Ở nước ta, phát triển công nghiệp sẽ được đẩy mạnh với các mục tiêu như đã được xác định trong Quyết định số 879/QĐ-TTg ngày 09/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 và Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 09/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển các ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Một căn cứ khác thể hiện nhu cầu của nhập công nghệ là tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị đạt khoảng 20%/năm giai đoạn 2015-2020 theo mục tiêu của Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 31/10/2012 Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế và Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020. Ngoài ra, tăng quy mô nhập công nghệ ở nước ta còn do năng lực nhập công nghệ tăng cùng với sự phát triển kinh tế và kinh nghiệm tích lũy qua thực tế, mở rộng hội nhập của Việt Nam với thế giới,...

Mặt khác, phát triển KH&CN trong nước sẽ làm tăng nguồn cung công nghệ và tác dụng giảm nhu cầu về nguồn công nghệ từ bên ngoài. Kinh nghiệm của nhiều nước cho thấy xu hướng tăng sử dụng công nghệ được tạo ra trong nước so với công nghệ nhập. Đây cũng là quá trình giảm bớt sự phụ thuộc về công nghệ vào bên ngoài. Ở Việt Nam thời gian tới, phần công nghệ nội sinh sẽ tăng lên thay thế một phần cho công nghệ nhập. Điều này thể hiện một phần trong các mục tiêu như: “giá trị giao dịch của thị trường KH&CN tăng trung bình khoảng 15%/năm”<sup>4</sup>, “Giá trị giao dịch của thị trường KH&CN tăng trung bình 15-17%/năm”<sup>5</sup>; “Tăng giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN trên thị trường hằng năm bình quân không dưới 15%, không dưới 20% đối với một số công nghệ cao được ưu tiên phát triển”<sup>6</sup>, ...

Hai là, ngoài trực tiếp sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công nghệ nhập còn có ý nghĩa là đối tượng cải tiến, đổi mới và góp phần phát

<sup>4</sup> Nghị quyết số 20-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

<sup>5</sup> Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ *Phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020*.

<sup>6</sup> Quyết định số 2075/QĐ-TTg ngày 08/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ *Phê duyệt Chương trình phát triển thị trường KH&CN đến năm 2020*.

triển công nghệ nội sinh. Đây giống như khía cạnh phát huy tác dụng chiều sâu của nhập công nghệ và nâng cao hiệu quả của các nguồn vốn sử dụng vào nhập công nghệ.

Ở nước ta đã có các quan điểm như: “Đẩy mạnh tiếp thu thành tựu KH&CN thế giới, đồng thời, phát huy năng lực KH&CN nội sinh”<sup>7</sup>, “Tập trung hiệu quả ngoại lực để tăng cường nội lực. Nội lực phải trở thành nòng cốt và chủ yếu, ngoại lực giữ vai trò quan trọng”<sup>8</sup>,... Các quan điểm này cần được tiếp tục quán triệt để đạt được những kết quả trên thực tế.

*Ba là*, tăng cường cải tiến, đổi mới công nghệ nhập và phát triển công nghệ nội sinh từ công nghệ nhập được thể hiện ở số lượng công nghệ nhập được cải tiến, đổi mới và số công nghệ nội sinh được tạo ra từ công nghệ nhập.

Thông thường, các nước đi sau phát triển công nghệ nhập theo các bước tuần tự là: mua công nghệ, từng bước cải tiến và làm chủ công nghệ, làm chủ công nghệ nhập trên cơ sở nghiên cứu và phát triển. Qua các bước này, có thể hình dung về cải tiến, đổi mới công nghệ nhập và phát triển công nghệ nội sinh từ công nghệ nhập. Công nghệ nội sinh cũng còn được hiểu là công nghệ được tạo ra thông qua quá trình nghiên cứu và triển khai ở trong nước.

Các yếu tố chi phối ở đây bao gồm:

- Nhu cầu và khả năng hấp thụ công nghệ nhập đã được cải tiến, đổi mới tăng dần trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhu cầu đối với cải tiến, đổi mới công nghệ nhập không phải chỉ để đáp ứng yêu cầu giai đoạn hiện tại, mà còn chuẩn bị đón trước cho giai đoạn tiếp theo. Tăng cường cải tiến công nghệ nhập và từng bước phát triển công nghệ nội sinh từ công nghệ nhập ở nước ta phải phù hợp với các trình độ phát triển của đất nước trong thời gian tới;
- Năng lực cải tiến, đổi mới công nghệ nhập và phát triển công nghệ nội sinh từ công nghệ nhập tăng cùng với sự phát triển của các ngành công nghiệp. Cụ thể, nội dung liên quan ở đây là mục tiêu đề ra trong Đề án hội nhập quốc tế về KH&CN đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 735/QĐ-TTg ngày 18/5/2011: “Đến năm 2020, tổ chức KH&CN, doanh nghiệp Việt Nam trong một số lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm có đủ năng lực hợp tác với các đối tác nước ngoài, tiếp thu, làm chủ, đổi mới và sáng tạo công nghệ; một số kết quả nghiên

<sup>7</sup> Chiến lược phát triển KH&CN Việt Nam đến năm 2010 (Ban hành kèm theo Quyết định số 272/2003/QĐ-TTg ngày 31/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ).

<sup>8</sup> Chỉ thị số 07/CT-BBCVT ngày 07/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, viễn thông về Định hướng Chiến lược phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt Nam giai đoạn 2011-2020 (gọi tắt là “Chiến lược Cát cánh”).



cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm của Việt Nam xác lập được vị trí trong thị trường khu vực và thế giới”;

- Tăng cường năng lực nhập công nghệ để có thể nhập các công nghệ thuận lợi cho việc cải tiến, đổi mới (năng lực đàm phán, năng lực tài chính,...). Giữa công nghệ nhập để sử dụng trong sản xuất và công nghệ nhập để cải tiến, đổi mới có thể có những khác biệt nhất định từ khâu lựa chọn xác định công nghệ nhập, đàm phán về các quyền đối với công nghệ nhập,...

### **5. Các ngành công nghiệp mũi nhọn đi tiên phong trong thúc đẩy chuyển giao công nghệ vào Việt Nam**

Nhập công nghệ trong ngành công nghiệp mũi nhọn phải đi trước một bước và đóng vai trò tiên phong lôi kéo sự phát triển về nhập công nghệ của các ngành khác.

Định hướng này có các nội dung cơ bản sau:

*Một là*, trong khi nhập công nghệ nói chung ở nước ta còn bị hạn chế, nhập công nghệ trong các ngành công nghiệp mũi nhọn cần đi trước một bước, tạo sự khác biệt về trình độ công nghệ nhập, mức độ cải tiến và đổi mới công nghệ nhập,...

Việc đi trước của nhập công nghệ trong ngành là cần thiết và có thể. Cần thiết bởi phù hợp với yêu cầu của mục tiêu phát triển ngành công nghiệp mũi nhọn – vốn là những ngành được coi là đi thẳng vào tiên tiến, hiện đại. Có thể bởi ngành công nghiệp mũi nhọn thường bộc lộ nhu cầu nhập công nghệ tiên tiến, hiện đại và mở ra những điều kiện cho cải tiến, đổi mới công nghệ nhập. Đồng thời, đây là ngành được ưu tiên nguồn lực đầu tư cho phát triển, bao gồm cả nguồn lực cho nhập công nghệ, cải tiến và đổi mới công nghệ nhập.

Kinh nghiệm thế giới cho thấy, nhập khẩu công nghệ phụ thuộc nhiều vào đặc điểm của ngành kinh tế và ý đồ chủ quan của Nhà nước. Bởi vậy, trong một nước, tại một thời điểm, nhập khẩu công nghệ có sự khác nhau giữa các ngành. Các ngành công nghiệp mũi nhọn thường có những kết quả nổi bật về nhập khẩu công nghệ và đi trước các ngành khác trong thu hút công nghệ từ bên ngoài, làm chủ công nghệ có được từ bên ngoài,... bởi các lý do:

- Là những ngành đi đầu trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa, do vậy, có nhiều nhu cầu và nhiều khả năng hấp thụ công nghệ mới, công nghệ cao. Nhu cầu và khả năng này có tác dụng thúc đẩy nhập công nghệ;

- Gắn với công nghệ mới và công nghệ cao - vốn là các lĩnh vực công nghệ đang phát triển mạnh mẽ, các ngành công nghiệp mũi nhọn có cơ hội để cải tiến công nghệ nhập, từ công nghệ nhập phát triển công nghệ nội sinh,...
- Công nghiệp mũi nhọn là những ngành có khả năng phát triển mạnh mẽ và xuất khẩu mang lại nguồn ngoại tệ. Điều này tạo điều kiện về nguồn lực để nhập công nghệ, tạo điều kiện nhập công nghệ thông qua kênh đầu tư nước ngoài,...
- Công nghiệp mũi nhọn được Nhà nước ưu tiên phát triển với nhiều chính sách khuyến khích, hỗ trợ, trong đó có cả những chính sách liên quan trực tiếp và gián tiếp đến nhập công nghệ.

*Hai là*, nhập công nghệ trong công nghiệp mũi nhọn còn cần đóng vai trò đi tiên phong để lôi kéo nhập công nghệ trong các ngành khác tiến về phía trước. Nội dung đi tiên phong của nhập công nghệ ở các ngành công nghiệp mũi nhọn là khai phá con đường mới, tạo lập hình mẫu về nhập công nghệ phục vụ công nghiệp hóa - hiện đại hóa ở nước ta; tạo dựng niềm tin về khả năng áp dụng các phương thức nhập công nghệ mới; các lan tỏa khác giữa nhập công nghệ trong ngành công nghiệp mũi nhọn và nền kinh tế.

*Ba là*, đi trước và đóng vai trò tiên phong của nhập công nghệ trong ngành công nghiệp mũi nhọn sẽ gặp phải nhiều khó khăn, thách thức và cần những nỗ lực vượt bậc từ các phía có liên quan. Cần xác định rõ nội dung và ý nghĩa của đi trước và vai trò tiên phong của nhập công nghệ trong ngành công nghiệp mũi nhọn để thống nhất phối hợp hành động và có các giải pháp chính sách tương xứng.

Thực tế vừa qua, nhập công nghệ ở các ngành không được như mong muốn là do thiếu chính sách phù hợp<sup>9</sup>. Chưa có được chính sách phù hợp lại là do thiếu sự xác định rõ về quan điểm đi trước một bước của nhập công nghệ trong ngành công nghiệp mũi nhọn. Đây là điều cần khắc phục trong thời gian tới.

Vai trò to lớn của nhập công nghệ gắn liền với tính chất phức tạp của hoạt động nhập công nghệ, có nhiều kiểu khác nhau phụ thuộc vào những định hướng khác nhau... Từ những bài học phải trả giá đắt trong thời gian qua, chúng ta cần chú ý đến các định hướng như nhập công nghệ hướng vào phục vụ một số nhiệm vụ quan trọng, lựa chọn công nghệ phù hợp với giai

---

<sup>9</sup> Cũng đã có những định hướng như “Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhập khẩu công nghệ hiện đại, trước hết đối với những ngành, lĩnh vực chủ lực, mũi nhọn để nhanh chóng ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh tạo ra sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao” (Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020), nhưng việc cụ thể hóa đường như gặp nhiều lúng túng...

đoạn phát triển trước mắt, đa dạng hóa các kênh và các đối tác, đồng thời chú ý kênh quan trọng và đối tác chiến lược, chú trọng cả chiều rộng và chiều sâu của chuyển giao công nghệ, các ngành công nghiệp mũi nhọn đi tiên phong trong thúc đẩy chuyển giao công nghệ. Năm định hướng nhập công nghệ này được lựa chọn phù hợp với những yêu cầu đòi hỏi của Việt Nam. Đó chính là những căn cứ quan trọng để xây dựng các chính sách cụ thể về nhập công nghệ ở nước ta./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt:

1. Phan Xuân Dũng. (2004) *Chuyển giao công nghệ-Thực trạng và giải pháp*. Hà Nội, Nxb Chính trị quốc gia.
2. Ngô Hà. (2013) *Chuyển giao công nghệ từ các dự án đầu tư nước ngoài: Chờ bước bứt phá hiệu quả và thiết thực*. Tạp chí Tài chính, số 3/2013.
3. Nguyễn Thị Tuệ Anh. (2015) *Chuyển giao công nghệ ở cấp doanh nghiệp tại Việt Nam*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, số 9/2015.
4. Trần Đình Thiên. (2015) *Công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển KH&CN ở Việt Nam: mối quan hệ và những vấn đề đặt ra*. Hội đồng Chính sách KH&CN Quốc gia. Nội san Tập hợp các báo cáo về Chính sách phát triển KH&CN, số 1/2015.
5. Hoàng Xuân Long. (2014) *Khắc phục sự phụ thuộc công nghệ*. Tạp chí KH&CN Việt Nam, số 15/2014.

### Tiếng Anh:

6. Juan Blydem. (2004) *Maurice Kugler and Ernesto Stein, Exporting vs Outsourcing by MNC subsidiaries: Which determines spillovers?* Southampton University.
7. Conference Summary. (2005) *Science, technology and globalization: Challenges and opportunities for international cooperation*. International Conference on Globalization of Research and Development, Grado, Italy, 9/2005.